

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 36

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Trang là công ty cổ phần hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303366525, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 7 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 03 tháng 8 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 41221000651, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2015 do Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp. Thời gian hoạt động của dự án đến ngày 29 tháng 12 năm 2048.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại : (84 – 28) 37 800 900
- Fax : (84 – 28) 37 800 735

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, chế biến thủy, hải sản;
- Sản xuất, chế biến thực phẩm. Sản xuất, chế biến cà phê, trà;
- Mua bán nông, lâm sản;
- Mua bán thủy hải sản và thực phẩm. Mua bán thực phẩm công nghệ. Mua bán cà phê, trà;
- Mua bán trang thiết bị máy móc, vật tư phục vụ sản xuất công, nông, ngư nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt;
- Nuôi trồng thủy sản biển và nội địa;
- Tư vấn quản lý kinh doanh, chuyển giao công nghệ;
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê nhà ở, văn phòng;
- Mua bán hóa mỹ phẩm, văn phòng phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ nhựa, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe cho trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội), đồ bảo hộ lao động, cravat, mũ, chăn màn, gối, ra trải giường, vali, túi xách, giày dép;
- Mua bán sản phẩm dệt – may, quần áo may sẵn;
- Mua bán phần mềm tin học, phần cứng máy tính;
- Sản xuất phần cứng máy tính;
- Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị, dụng cụ phục vụ sản xuất, chế biến ngành nông, lâm, thủy hải sản và thực phẩm;
- Gia công đóng gói bao bì: cà phê, trà;
- Sản xuất, chế biến nông, lâm sản;
- Mua bán cao su, nguyên phụ liệu sản phẩm dệt – may;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.



CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019
Ông Phan Minh Hải	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019
Ông David Ho	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Ông Trương Văn Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Ông Huỳnh Khánh Hiếu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Bà Nguyễn Minh Tâm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Vũ Thị Minh Chiến	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Bà Trương Thị Huỳnh Như	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Bà Trần Thị Thu Hằng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trương Văn Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019
	Phó Giám đốc điều hành	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019
Ông Hàn Linh Vương	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Nguyễn Minh Nguyệt – Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019).

Bà Nguyễn Minh Nguyệt đã ủy quyền cho Ông Trương Văn Quang – Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Giấy ủy quyền số 018/19/UQ-TFC ngày 20 tháng 7 năm 2019.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;

04498
ÔNG T
NHIỆM H
TOÁN VÀ
A &
H.T.P.T

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Minh Nguyệt
Chủ tịch

Ngày 27 tháng 8 năm 2019



Số: 1.1244/19/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 8 năm 2019, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 14 tháng 8 năm 2018 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 vào ngày 28 tháng 3 năm 2019 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Tri

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		325.295.937.822	313.181.593.537
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.700.274.642	35.426.512.005
1. Tiền	111		15.700.274.642	35.426.512.005
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21.540.850.646	26.665.850.646
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	21.540.850.646	26.665.850.646
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		162.842.763.110	171.961.425.129
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	142.610.951.231	159.943.115.348
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.725.757.390	3.653.891.868
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	6.500.000.000	1.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	5.006.054.489	6.864.417.913
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		119.719.607.901	73.689.894.813
1. Hàng tồn kho	141	V.7	119.719.607.901	73.689.894.813
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.492.441.523	5.437.910.944
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.286.019.997	2.427.374.843
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.206.421.526	3.010.536.101
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		111.738.785.824		111.040.737.613	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		51.533.754.483		40.012.024.000	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-		-	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-		-	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-		-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-		-	
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	48.480.000.000		38.670.280.000	
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	3.053.754.483		1.341.744.000	
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-		-	
II. Tài sản cố định	220		22.568.848.491		23.829.996.397	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	22.553.860.367		23.803.246.375	
- Nguyên giá	222		73.888.137.092		75.157.783.911	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.334.276.725)		(51.354.537.536)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-		-	
- Nguyên giá	225		-		-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-		-	
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	14.988.124		26.750.022	
- Nguyên giá	228		360.430.800		348.830.800	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(345.442.676)		(322.080.778)	
III. Bất động sản đầu tư	230		-		-	
- Nguyên giá	231		-		-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-		-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-		1.266.848.289	
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-		-	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-		1.266.848.289	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		32.843.891.132		42.139.287.554	
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	54.000.000.000		54.000.000.000	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-		-	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-		-	
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(26.156.108.868)		(11.860.712.446)	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	5.000.000.000		-	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.792.291.718		3.792.581.373	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.792.291.718		3.792.581.373	
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.11	-		-	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-		-	
4. Tài sản dài hạn khác	268		-		-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		437.034.723.646		424.222.331.150	

315-C.1
 TY
 HỮU HẠN
 TƯ VẤN
 C
 HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		243.086.449.965	211.922.654.520
I. Nợ ngắn hạn	310		243.077.044.965	209.806.379.340
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	38.893.408.394	31.276.525.991
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		21.556.483	16.516.136
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	78.581.000	2.771.239.507
4. Phải trả người lao động	314	V.14	6.631.755.000	7.566.033.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	5.470.729.084	4.076.229.555
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.444.118.470	1.085.201.177
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	190.536.896.534	163.014.633.974
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		9.405.000	2.116.275.180
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	9.405.000	2.116.275.180
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		193.948.273.681	212.299.676.630
I. Vốn chủ sở hữu	410		193.948.273.681	212.299.676.630
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	168.299.940.000	168.299.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		168.299.940.000	168.299.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.18	17.173.652.728	17.173.652.728
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	8.474.680.953	26.826.083.902
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		26.467.773.700	26.826.083.902
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(17.993.092.747)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		437.034.723.646	424.222.331.150

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2019



Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Người lập



Lê Thị Tường Hạnh
Kế toán trưởng



Hàn Linh Vương
Giám đốc tài chính



Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	156.070.447.138	136.024.138.508
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	3.327.955.038
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		156.070.447.138	132.696.183.470
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	136.196.504.012	117.346.759.067
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.873.943.126	15.349.424.403
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.258.950.722	2.076.741.799
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	18.558.785.229	6.461.745.699
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.556.848.726	2.911.904.574
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	5.659.357.298	4.902.179.770
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	15.981.979.756	15.544.204.457
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(17.067.228.435)	(9.481.963.724)
11. Thu nhập khác	31		36.526.955	78.224.535
12. Chi phí khác	32	VI.7	344.591.142	526.047.830
13. Lợi nhuận khác	40		(308.064.187)	(447.823.295)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(17.375.292.622)	(9.929.787.019)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	393.400.125	546.936.383
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(17.768.692.747)	(10.476.723.402)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2019

Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Người lậpLê Thị Tường Hạnh
Kế toán trưởngHàn Linh Vương
Giám đốc tài chínhTrương Văn Quang
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(17.375.292.622)	(9.929.787.019)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	2.338.636.394	2.337.121.833
- Các khoản dự phòng	03	V.2b	14.295.396.422	2.501.778.181
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	172.424.868	794.630.456
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(2.374.705.854)	(1.246.061.559)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	3.556.848.726	2.911.904.574
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		613.307.934	(2.630.413.534)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		15.406.758.337	68.295.215.194
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(46.029.713.088)	(61.062.642.925)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		7.955.501.323	(7.081.418.052)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(591.507.210)	(881.428.689)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16, VI.4	(3.468.182.726)	(2.909.529.572)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(3.079.113.482)	(2.133.737.474)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		172.741.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(524.688.000)	(313.383.831)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(29.544.895.912)	(8.717.338.883)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10	(1.411.136.363)	(4.253.797.751)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.7	300.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(25.711.720.000)	(15.200.280.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11.027.000.000	4.900.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.3	599.908.729	598.632.730
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.195.947.634)	(13.955.445.021)

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	201.740.308.858	200.146.954.284
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(176.746.606.912)	(209.322.764.349)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>24.993.701.946</i></u>	<u><i>(9.175.810.065)</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(19.747.141.600)	(31.848.593.969)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	35.426.512.005	43.746.760.159
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		20.904.237	25.479.117
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>15.700.274.642</u>	<u>11.923.645.307</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2019

Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Người lậpLê Thị Tường Hạnh
Kế toán trưởngHàn Linh Vương
Giám đốc tài chínhTrương Văn Quang
Tổng Giám đốc9815-C
CÔNG TY
HỮU HẠN
TỰ VY
C
HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến thủy, hải sản; Gia công, đóng gói bao bì: Cà phê, trà; Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Lợi nhuận kỳ này của Công ty sụt giảm so với kỳ trước chủ yếu là do kỳ này Công ty trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào công ty con – Công ty TNHH Thực phẩm Dary do công ty này hoạt động kinh doanh bị lỗ.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy	Lô D4, Đường N1, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán buôn thực phẩm	75%	75%	75%
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	Lô D4, Đường N1, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	65%	65%	65%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 539 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 515 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4987
CÔNG TY
HÀNG NƯỚC
VÀ TÀI
& C
PHỐ

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (30 – 44 năm).

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 30
Máy móc và thiết bị	02 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính; Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 03 đến 07 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	95.475.125	193.259.887
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.604.799.517	35.233.252.118
Cộng	<u>15.700.274.642</u>	<u>35.426.512.005</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào công ty con. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	21.540.850.646	21.540.850.646	26.665.850.646	26.665.850.646
Tiền gửi có kỳ hạn	21.540.850.646	21.540.850.646	26.665.850.646	26.665.850.646
Dài hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Cộng	26.540.850.646	26.540.850.646	26.665.850.646	26.665.850.646

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 (xem thuyết minh số V.17).

2b. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Thực phẩm Dary ⁽ⁱ⁾	39.000.000.000	(12.896.316.887)	39.000.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy ⁽ⁱⁱ⁾	15.000.000.000	(13.259.791.981)	15.000.000.000	(11.860.712.446)
Cộng	54.000.000.000	(26.156.108.868)	54.000.000.000	(11.860.712.446)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313046468 đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 11 tháng 9 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thực phẩm Dary 39.000.000.000 VND, tương đương 65% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ 39.000.000.000 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313053112 ngày 16 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy 15.000.000.000 VND, tương đương 75% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ 15.000.000.000 VND.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bị lỗ.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	11.860.712.446	7.892.109.689
Trích lập dự phòng bổ sung	14.295.396.422	2.501.778.181
Số cuối kỳ	26.156.108.868	10.393.887.870

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Thực phẩm Dary		
Cung cấp dịch vụ gia công	145.392.000	-
Hàng bán bị trả lại	-	2.464.000.000
Thuê dịch vụ gia công	7.135.239.099	7.251.434.060
Thuê dịch vụ lưu kho, bốc xếp	1.853.788.912	2.033.110.451
Mua nguyên vật liệu	23.997.733.780	24.265.845.130
Mua tài sản cố định	-	3.278.127.000
Cho vay	19.311.720.000	10.580.630.000
Lãi cho vay	1.744.929.000	591.512.029
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy		
Bán thành phẩm	2.898.281.726	2.515.263.620
Cung cấp dịch vụ gia công	56.274.700	-
Mua nguyên vật liệu	305.683.545	68.178.738
Cho vay	400.000.000	800.000.000
Lãi cho vay	26.013.000	20.333.400

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	9.897.832.652	9.044.638.921
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy	9.745.171.052	6.846.101.432
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	152.661.600	2.198.537.489
Phải thu các khách hàng khác	132.713.118.579	150.898.476.427
Trangs Group USA Incorporated	55.207.460.904	46.023.101.128
Trangs Food Pty Ltd	31.150.667.294	25.925.857.722
Trangs UK Limited	29.052.916.238	57.349.589.718
Trangs Europe Sas	2.872.704.501	16.501.094.982
Các khách hàng khác	14.429.369.642	5.098.832.877
Cộng	142.610.951.231	159.943.115.348

Khoản phải thu khách hàng có giá trị tối thiểu tương đương 110% tổng các nghĩa vụ theo hợp đồng vay số FCA – 000466-2018 ngày 27 tháng 6 năm 2018 đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17).

Toàn bộ quyền phát sinh thuộc sở hữu của Công ty từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Woolworths International và Trangs Food Pty Ltd đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17).

Một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Công ty từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trang UK Limited đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 (xem thuyết minh số V.17).



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khánh Hải	4.008.910.000	-
Ông Lê Ngọc Công	1.684.985.000	1.684.985.000
Công ty TNHH Thông Thuận	1.069.992.000	-
Ông Hồ Xuân Bảo	-	1.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.961.870.390	968.906.868
Cộng	8.725.757.390	3.653.891.868

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn**5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<i>5.900.000.000</i>	<i>400.000.000</i>
Cho Công ty TNHH Thực phẩm Dary vay với lãi suất 12%/năm	5.200.000.000	-
Cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy vay với lãi suất 7,5%/năm	700.000.000	400.000.000
<i>Cho cá nhân khác vay</i>	<i>600.000.000</i>	<i>1.100.000.000</i>
Cho Bà Nguyễn Thị Thu Hiếu vay với lãi suất 7,5%/năm	600.000.000	1.100.000.000
Cộng	6.500.000.000	1.500.000.000

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho Công ty TNHH Thực phẩm Dary là bên liên quan vay với lãi suất 8%/năm, thời hạn vay 02 năm.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>25.391.000</i>	<i>-</i>	<i>6.875.000</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy - Lãi cho vay	25.391.000	-	6.875.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>4.980.663.489</i>	<i>-</i>	<i>6.857.542.913</i>	<i>-</i>
Ông Hồ Xuân Bảo (*)	2.691.022.900	-	4.975.507.000	-
Tạm ứng	2.015.010.000	-	1.610.200.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	274.630.589	-	271.835.913	-
Cộng	5.006.054.489	-	6.864.417.913	-

(*) Phải thu Ông Hồ Xuân Bảo về khoản hợp tác đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-2012/HTĐT-TRANG ngày 26 tháng 12 năm 2011 và Phụ lục gia hạn hợp đồng số 01/12-2018PL/HTĐT-TRANG ngày 03 tháng 12 năm 2018. Thời hạn hợp tác từ ngày 28 tháng 12 năm 2018 đến ngày 27 tháng 12 năm 2019.



CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	2.970.274.614	-	1.180.345.614	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary - Lãi cho vay	2.970.274.614	-	1.180.345.614	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	83.479.869	-	161.398.386	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	83.479.869	-	161.398.386	-
Cộng	3.053.754.483	-	1.341.744.000	-

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	74.907.889.805	-	63.902.738.133	-
Công cụ, dụng cụ	764.977.161	-	890.651.970	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.199.823.864	-	3.968.967.539	-
Thành phẩm	16.693.311.232	-	4.204.811.638	-
Hàng hóa	2.579.940	-	2.579.940	-
Hàng gửi đi bán	1.151.025.899	-	720.145.593	-
Cộng	119.719.607.901	-	73.689.894.813	-

Toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6, Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú (xem thuyết minh số V.17).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	935.061.036	431.129.888
Chi phí sửa chữa	440.779.223	724.515.276
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.910.179.738	1.271.729.679
Cộng	3.286.019.997	2.427.374.843

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	539.172.325	528.104.759
Chi phí sửa chữa	520.660.406	715.496.714
Tiền thuê đất	3.665.851.102	2.447.343.429
Các chi phí trả trước dài hạn khác	66.607.885	101.636.471
Cộng	4.792.291.718	3.792.581.373

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.625.381.839	53.326.542.896	5.783.401.257	1.422.457.919	75.157.783.911
Mua trong kỳ	-	160.000.000	1.206.354.545	33.181.818	1.399.536.363
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.669.183.182)	-	(2.669.183.182)
Số cuối kỳ	14.625.381.839	53.486.542.896	4.320.572.620	1.455.639.737	73.888.137.092
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.809.213.442	23.236.339.437	301.563.530	1.182.807.507	26.529.923.916
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	7.460.741.000	38.019.778.223	4.588.975.348	1.285.042.966	51.354.537.536
Khấu hao trong kỳ	303.636.106	1.615.120.026	371.826.389	24.691.975	2.315.274.496
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.335.535.307)	-	(2.335.535.307)
Số cuối kỳ	7.764.377.106	39.634.898.249	2.625.266.430	1.309.734.941	51.334.276.725
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	7.164.640.839	15.306.764.673	1.194.425.910	137.414.954	23.803.246.375
Số cuối kỳ	6.861.004.733	13.851.644.647	1.695.306.191	145.904.797	22.553.860.367
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 7.267.199.650 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 (xem thuyết minh số V.17).

10. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	348.830.800	322.080.778	26.750.022
Nâng cấp trong kỳ	11.600.000	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	23.361.898	-
Số cuối kỳ	360.430.800	345.442.676	14.988.124
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	208.233.600	-	-
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2019 với số tiền là 16.633.995.943 VND.

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>16.228.665.131</i>	<i>5.115.081.926</i>
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	16.228.665.131	5.103.703.528
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy	-	11.378.398
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>22.664.743.263</i>	<i>26.161.444.065</i>
Cộng	38.893.408.394	31.276.525.991

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	21.141.604	(21.141.604)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	70.764.519	(70.764.519)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.685.713.357	393.400.125	(3.079.113.482)	-
Thuế thu nhập cá nhân	85.526.150	758.243.912	(765.189.062)	78.581.000
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.020.000	(4.020.000)	-
Cộng	2.771.239.507	1.250.570.160	(3.943.228.667)	78.581.000

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% đối với thu nhập từ chế biến thủy sản.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

15-C.2
CY
ƯU HẠN
TƯ VẤN
C
5CHIV

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(17.375.292.622)	(9.929.787.019)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	741.296.679	78.617.821
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	(16.633.995.943)	(9.851.169.198)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	393.400.125	546.936.383
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	393.400.125	546.936.383

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng bán hàng phải trả	5.456.678.642	4.071.038.156
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	14.050.442	5.191.399
Cộng	5.470.729.084	4.076.229.555

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	88.666.000	-
Các thành viên Hội đồng quản trị - Chi phí lãi vay phải trả	88.666.000	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.355.452.470	1.085.201.177
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	1.143.041.350	1.018.944.639
Cổ tức phải trả	172.741.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	39.670.120	66.256.538
Cộng	1.444.118.470	1.085.201.177

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**17a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan</i>	<i>14.000.000.000</i>	-
Vay Bà Nguyễn Minh Nguyệt ⁽ⁱ⁾	14.000.000.000	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>176.536.896.534</i>	<i>163.014.633.974</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	175.144.022.354	162.514.633.974
<i>Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 6 ⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>69.671.474.835</i>	<i>54.364.815.398</i>
<i>Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	<i>52.384.383.369</i>	<i>51.294.545.250</i>
<i>Vay Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(iv)</i>	<i>30.249.283.750</i>	<i>27.533.595.113</i>
<i>Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú ^(v)</i>	<i>22.838.880.400</i>	<i>29.321.678.213</i>
Vay ngắn hạn cá nhân	-	500.000.000
Vay Bà Trần Thị Kim Loan	-	500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	1.392.874.180	-
Cộng	<u>190.536.896.534</u>	<u>163.014.633.974</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Vay không có tài sản đảm bảo Bà Nguyễn Minh Nguyệt để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 12 tháng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, hạn mức vay 70.000.000.000 VND với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền tiết kiệm (xem thuyết minh số V.2a), tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9), hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7) và một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Công ty từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trang UK Limited (xem thuyết minh số V.3).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh và bảo lãnh các loại, hạn mức vay 57.000.000.000 VND và 800.000,00 USD với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9), hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7) và toàn bộ quyền phát sinh thuộc sở hữu của Công ty từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Woolworths International và Trangs Food Pty Ltd (xem thuyết minh số V.3).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, hạn mức vay 1.500.000,00 USD với lãi suất là chi phí vốn của Ngân hàng + 2,5%/năm, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7) và khoản phải thu khách hàng có giá trị tối thiểu tương đương 110% tổng các nghĩa vụ theo hợp đồng vay số FCA – 000466-2018 ngày 27 tháng 6 năm 2018 (xem thuyết minh số V.3).



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, hạn mức vay 3.000.000,00 USD với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a) và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay dài hạn	Tăng khác (*)	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	162.514.633.974	187.740.308.858	-	421.690.434	(175.532.610.912)	175.144.022.354
Vay ngắn hạn các cá nhân	500.000.000	14.000.000.000	-	-	(500.000.000)	14.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	1.392.874.180	-	-	1.392.874.180
Cộng	163.014.633.974	201.740.308.858	1.392.874.180	421.690.434	(176.032.610.912)	190.536.896.534

- (*) Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản vay có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ.

17b. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư máy móc thiết bị, sửa chữa nhà xưởng, văn phòng, hạn mức vay 9.000.000.000 VND với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9), hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7) và toàn bộ quyền phát sinh thuộc sở hữu của Công ty từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Woolworths International và Trangs Food Pty Ltd (xem thuyết minh số V.3).

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.392.874.180	-
Trên 01 năm đến 05 năm	9.405.000	2.116.275.180
Cộng	1.402.279.180	2.116.275.180

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.116.275.180	3.544.267.180
Số tiền vay đã trả	(713.996.000)	(713.996.000)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(1.392.874.180)	-
Số cuối kỳ	9.405.000	2.830.271.180

17c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	168.299.940.000	17.173.652.728	16.006.139.082	201.479.731.810
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	(10.476.723.402)	(10.476.723.402)
Trích lập các quỹ	-	-	(166.443.169)	(166.443.169)
Số dư cuối kỳ trước	<u>168.299.940.000</u>	<u>17.173.652.728</u>	<u>5.362.972.511</u>	<u>190.836.565.239</u>
Số dư đầu năm nay	168.299.940.000	17.173.652.728	26.826.083.902	212.299.676.630
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	(17.768.692.747)	(17.768.692.747)
Trích lập các quỹ	-	-	(358.310.202)	(358.310.202)
Trích thù lao Hội đồng quản trị	-	-	(224.400.000)	(224.400.000)
Số dư cuối kỳ này	<u>168.299.940.000</u>	<u>17.173.652.728</u>	<u>8.474.680.953</u>	<u>193.948.273.681</u>

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông David Ho	38.600.000.000	38.600.000.000
Ông Hồ Văn Trung	28.874.000.000	28.874.000.000
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	28.086.000.000	28.086.000.000
Bà Susan Ho	10.000.000.000	10.000.000.000
Các cổ đông khác	62.739.940.000	62.739.940.000
Cộng	<u>168.299.940.000</u>	<u>168.299.940.000</u>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Ông David Ho	38.600.000.000	22,94	38.600.000.000	-
Ông Hồ Văn Trung	28.874.000.000	17,16	28.874.000.000	-
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	28.086.000.000	16,69	28.086.000.000	-
Bà Susan Ho	10.000.000.000	5,94	10.000.000.000	-
Các cổ đông khác	62.739.940.000	37,27	62.739.940.000	-
Cộng	<u>168.299.940.000</u>	<u>100,00</u>	<u>168.299.940.000</u>	-

18c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.829.994	16.829.994
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu phổ thông	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu phổ thông	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ/TFC ngày 10 tháng 7 năm 2019 với số tiền là 358.310.173 VND.

Ngoài ra, Công ty cũng tạm trích thù lao của Hội đồng quản trị 6 tháng đầu năm 2019 từ lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2019 với số tiền là 224.400.000 VND.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	209.282,30	1.478.653,82
Bảng Anh (GBP)	108,34	108,34
Euro (EUR)	4,89	4,89

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	155.741.379.234	135.327.132.549
Doanh thu khác	329.067.904	697.005.959
Cộng	<u>156.070.447.138</u>	<u>136.024.138.508</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con.

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của thành phẩm đã bán.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	607.994.729	598.632.730
Lãi tiền cho vay	1.800.359.000	647.428.829
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	850.596.993	830.680.240
Cộng	<u>3.258.950.722</u>	<u>2.076.741.799</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.556.848.726	2.911.904.574
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	534.115.213	253.432.488
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	172.424.868	794.630.456
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	14.295.396.422	2.501.778.181
Cộng	18.558.785.229	6.461.745.699

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	645.767.887	741.118.554
Chi phí vật liệu, bao bì	517.594.651	509.277.003
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	39.387.091	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.974.216	18.730.508
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.628.292.524	1.260.404.333
Chi phí xuất khẩu hàng hóa	953.739.493	948.082.036
Các chi phí khác	1.869.601.436	1.424.567.336
Cộng	5.659.357.298	4.902.179.770

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.440.126.962	10.101.109.948
Chi phí đồ dùng văn phòng	535.841.205	126.539.287
Chi phí khấu hao tài sản cố định	335.920.842	351.982.781
Thuế, phí và lệ phí	271.362.834	167.841.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.041.184.725	1.319.543.636
Các chi phí khác	3.357.543.188	3.477.186.961
Cộng	15.981.979.756	15.544.204.457

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý tài sản cố định	33.647.875	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.091.667	66.110.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	255.328.179	380.227.988
Các chi phí khác	523.421	79.709.842
Cộng	344.591.142	526.047.830

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.591.345.985	108.291.038.096
Chi phí nhân công	40.196.733.825	33.694.104.200
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.338.636.394	2.337.121.833
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.305.386.388	9.553.878.266
Chi phí khác	6.373.758.325	6.134.102.179
Cộng	171.805.860.917	160.010.244.574

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Đi vay	14.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	88.666.000	-

Việc mua dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.16 và V.17a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm lương và thù lao với tổng chi phí trong kỳ là 2.287.141.000 VND (cùng kỳ năm trước là 2.422.191.807 VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	Công ty con
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Công ty con Dasummy	Công ty con

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6 và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chế biến, xuất khẩu và kinh doanh mặt hàng tôm, đồng thời doanh thu chủ yếu của Công ty là từ xuất khẩu tôm chế biến. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo theo bộ phận.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông đã phê chuẩn phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ/TFC. Theo Nghị quyết này, cổ tức được đề xuất chia cho các cổ đông là 6.731.997.600 VND.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2019

Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Người lập

Lê Thị Tường Hạnh
Kế toán trưởng

Hàn Linh Vương
Giám đốc tài chính



Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc